

Hậu Lộc, ngày 21 tháng 7 năm 2020

Số: **125**/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn T - Sinh năm: 1980

Chị Hoàng Thị L - Sinh năm: 1981

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Ng L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng L, huyện Hậu Lộc ngày 12/12/2001. Sau khi cưới, anh T và chị L chung sống hòa thuận hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng thay đổi để hòa hợp nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên anh T và chị L đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L xác định Vợ chồng có 02 con chung, cháu đầu tên là Bùi Đức T1, sinh ngày 09/6/2005. Cháu thứ hai tên là Bùi Ngọc H, sinh ngày 03/02/2007. Ly hôn, anh T, chị L thống nhất thỏa thuận và theo nguyện vọng của hai cháu, giao cả hai cháu cho anh Bùi Văn T

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng/ cháu. Hai cháu là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu Bùi Đức T1 và Bùi Ngọc H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng/ cháu. Hai cháu là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các cháu Bùi Đức T1 và Bùi Ngọc H đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản:* Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L xác định: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về công nợ:* Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L xác định vợ chồng không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn T và chị Hoàng Thị L thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T, chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0007990 ngày 24 tháng 6 năm 2020, anh T, chị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- UBND xã Ng L H. Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thái